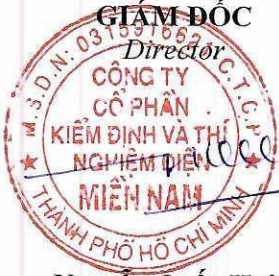




|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                 |                                            |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Số/ No: 58/2025/TN-ETSC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>CERTIFICATE OF TESTING</b>                                                                                                | Ngày/ Date: 09/01/2025<br>Trang/ Page: 1/2 |
| 1. Khách hàng yêu cầu:<br>Customer:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KỸ THUẬT TIỀN NAM</b><br><b>NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI THUẬN NAM NINH THUẬN</b><br>Thôn Quán Thè 1, X.Phước Minh, H.Thuận Nam, T.Ninh Thuận. |                                            |
| 2. Địa chỉ thử nghiệm:<br>Place of testing:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | PTN - ETSC                                                                                                                                                      |                                            |
| 3. Đối tượng thử nghiệm:<br>Type of testing:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Ủng cao su cách điện trung thế<br>The medium voltage insulating rubber boots                                                                                    |                                            |
| 4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt:<br>Quantity/Installation location:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 01 Đôi/ 01 Pair                                                                                                                                                 |                                            |
| 5. Phương pháp thử nghiệm:<br>Method of testing:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | TN/QT-17; QCVN 15:2013/BLĐTBXH; TCVN 5588 – 1991;<br>EN8020345/20348; Tài liệu kỹ thuật NSX; Theo yêu cầu khách hàng.                                           |                                            |
| 6. Thời gian thực hiện:<br>Inspection Date:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 09/01/2025                                                                                                                                                      |                                            |
| 7. Thông số kỹ thuật:<br>Specification:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Loại/ Type: YS112-01-09                                                                                                                                         |                                            |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Năm sản xuất/ Date of manufacture: 02/2019                                                                                                                      |                                            |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Điện áp làm việc/ Working voltage: 26,5 kV                                                                                                                      |                                            |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Tần số/ Frequency: 50/60 Hz                                                                                                                                     |                                            |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Số quản lý/ Serial No: 0001 (size: 29)                                                                                                                          |                                            |
| Nhà sản xuất/ Manufacture: YOTSUGI - JAPAN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                 |                                            |
| 8. Phương tiện thử nghiệm:<br>Testing equipment:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Kyoritsu 3125A; DTE 70/50D; HZXC-10HZJ.                                                                                                                         |                                            |
| 9. Điều kiện môi trường:<br>Environmental conditions:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | ( 32 ± 2 ) °C ; ( 60 ± 5 ) % RH                                                                                                                                 |                                            |
| 10. Kết quả thử nghiệm:<br>Testing result:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Xem trang sau<br>See next page                                                                                                                                  |                                            |
| 11. Tem thử nghiệm:<br>Testing stamp No:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 21/25/ETSC                                                                                                                                                      |                                            |
| 12. Kết luận<br>Conclusion                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ủng cao su cách điện trên đạt tiêu chuẩn kỹ thuật / The above insulated rubber boots meet technical standards                                                   |                                            |
| 13. Khuyến cáo thời hạn thử nghiệm lần sau: 07/2025<br>Recommended next testing period:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                 |                                            |
| <div>Người Thực Hiện<br/>Executor<br/><br/><br/><br/>Trần Văn Minh</div> <div><br/><br/><br/>Nguyễn Quốc Hoàn</div> <div></div> |                                                                                                                                                                 |                                            |



|                        |                                                                  |                                            |
|------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Số/No: 58/2025/TN-ETSC | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>CERTIFICATE OF TESTING</b> | Ngày/ Date: 09/01/2025<br>Trang/ Page: 2/2 |
|------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1  
Content of measured results 10 page 1

**10.1 Kiểm tra trực quan/ Visual check:** Không phát hiện bất thường/ Pass.

| Stt<br>No | Đối tượng đo<br>Measuring object                                | So sánh tham chiếu<br>Compare reference           | Kết quả<br>Result | Đánh giá<br>Assess |
|-----------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------|--------------------|
| 1         | Nhãn mác/ Label                                                 | Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal | Còn tốt/<br>Good  | Đạt/ Ok            |
| 2         | Kiểm tra hiện trạng bên ngoài/<br>Check the equipments exterior | Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal | Còn tốt/<br>Good  | Đạt/ Ok            |
| 3         | Bề mặt cách điện/ Insulation surface                            | Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal | Còn tốt/<br>Good  | Đạt/ Ok            |

**10.2 Điện trở cách điện ( $R_{cd}$ )/ Insulation Test ( $M\Omega$ ):**

| Đối tượng đo<br>The object of measurement                    | Mức tiêu chuẩn<br>Standard level<br>( $M\Omega$ ) | Kết quả đo<br>Measurement<br>results ( $M\Omega$ ) | Đánh giá<br>Assess |
|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------|
| Cực trong Ủng phải - Vỏ bồn<br>Iron bar in right boot - Case | > 1.000                                           | 10.000                                             | Đạt/ Pass          |
| Cực trong Ủng phải - Vỏ bồn<br>Iron bar in left boot - Case  | > 1.000                                           | 10.000                                             | Đạt/ Pass          |

**10.3 Điện áp xoay chiều tần số công nghiệp/ Industrial frequency alternating voltage:**

| Stt<br>No | Đối tượng đo<br>Measuring object                   | Điện áp thử nghiệm<br>Check voltage (kV/s) | Kết quả<br>Result  | Đánh giá<br>Assess |
|-----------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| 1         | Kiểm tra độ bền điện môi/ Test dielectric strength |                                            |                    |                    |
|           | - Ủng phải/ Right                                  | 30kV/ 180s                                 | Chịu được/<br>Pass | Đạt/ Ok            |
|           | - Ủng trái/ Left                                   | 30kV/ 180s                                 | Chịu được/<br>Pass | Đạt/ Ok            |